

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2025/LĐ-ST

Ngày: 06/6/2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Công tác tại Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 90/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1990; thường trú tại: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH P; trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Châu Thu H, sinh năm 1986; thường trú: 7 Hồ V, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH P; Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/3/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1987; thường trú: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: 1 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:*

Trước đây ông Lê Văn Q trước đây là công nhân Công ty TNHH A (V); địa chỉ: Số A đại lộ H, K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong thời gian làm việc tại đây thì ông Q có tham gia BHXH theo quy định, sổ BHXH số 7411120230 cấp ngày 23/9/2013, tên Lê Văn Q, sinh ngày 07/02/1990; số chứng minh nhân dân 351979581, căn cước công dân số 089090009351. Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần nên ông Q làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thành phố T và được thông báo thời điểm từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 ông Q có ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH P và có tham gia bảo hiểm xã hội nên thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông Q1 bị trùng.

Lý do bị trùng là năm 2010 ông Q có cho ông Lê Văn D (là anh trai của ông Q) mượn giấy Chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc và nộp vào Công ty TNHH P, sau đó công ty có làm thủ tục đóng BHXH, toàn bộ hồ sơ lao động của ông Lê Văn D tại Công ty TNHH P đều lấy tên là Lê Văn Q, thực tế người làm việc tại Công ty TNHH P là ông Lê Văn D, thời gian làm từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011, do thời gian đã lâu và ông D đã làm thất lạc Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P nên ông Q không cung cấp được cho Tòa án.

Nay ông Lê Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Lê Văn Q (do ông Lê Văn D là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH P trong khoảng thời gian làm từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 là vô hiệu.

Về án phí: Ông Lê Văn Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Do không có thời gian tham gia tố tụng nên ông Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH P trình bày:*

Công ty TNHH P có nhận bà ông Lê Văn Q vào làm việc tại công ty. Hồ sơ xin việc của ông Q đầy đủ theo quy định: Sơ yếu lý lịch, đơn xin việc, giấy chứng minh nhân dân, giấy khám sức khỏe, hồ sơ xin việc thể hiện tên của ông Lê Văn Q, đã ký hợp đồng lao động với Công ty và tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định, tuy nhiên do đã lâu, hồ sơ lao động, hợp đồng lao động đối với người lao động này đã thất lạc nên tôi không thể cung cấp cho Tòa án.

Có sự việc khởi kiện trên là do ông Lê Văn D đã không trung thực với công ty trong việc giao kết hợp đồng lao động nên Công ty không thể biết được. Đến khi Công ty TNHH P nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và đơn khởi kiện thì công ty mới biết được sự việc trên. Do không còn giữ hồ sơ lao động nên công ty thống nhất với thời gian, các thông tin về việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Lê Văn Q do cơ quan Bảo hiểm xã hội cung cấp. Công ty thống nhất yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn, công ty không có yêu cầu gì đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty không yêu cầu phản tố gì, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại đơn trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D trình bày:*

Ông Lê Văn D là em ruột với ông Lê Văn Q. Ông D xác định có giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 với tên Lê Văn Q, thời điểm này do ông D chưa đủ 18 tuổi không được ký hợp đồng lao động nên đã mượn giấy Chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của ông Lê Văn Q để nộp hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH P, sau đó công ty có tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định, được cấp sổ Bảo hiểm xã hội, toàn bộ hồ sơ lao động và tham gia bảo hiểm xã hội đều đứng tên ông Lê Văn Q. Ông D không cung cấp được hợp đồng lao động vì đã thất lạc. Ông D nhận thấy việc ký kết hợp đồng lao động với Công ty như trên là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn Q, do đó, đối với yêu cầu khởi kiện và toàn bộ lời trình bày của ông Lê Văn Q trong quá trình tố tụng ông D thống nhất, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Thời gian ông Lê Văn D làm việc tại Công ty TNHH P thì đã được hưởng BHXH 01 lần, do sổ bảo hiểm đứng tên ông Q nên ông Q là người đi làm thủ tục và nhận tiền và giao lại cho ông D, ông Q không tranh chấp hay yêu cầu gì về số tiền này.

** Tại Công văn số 174/CV-BHXH ngày 18/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định:*

Qua kiểm tra dữ liệu thông tin đối với người lao động tên Lê Văn Q, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân 351979581, CCCD số 089090009351 có 02 mã số Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 7408081313 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Công ty C từ tháng 04 năm 2008 đến tháng 6 năm 2010 và tại Công ty TNHH P từ tháng 07 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011. Đối với mã số bảo hiểm này được Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận chốt sổ, cấp tờ rời sổ BHXH ngày 11/02/2017, đã hưởng trợ cấp BHXH một lần và BHTN.

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 7411120230 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại các Công ty TNHH A (V) từ tháng 04 năm 2011 đến tháng 01 năm 2020; tại Công ty TNHH J từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 5 năm 2023. Đối với mã số bảo hiểm này người lao động đã được chốt sổ BHXH, chưa hưởng BHXH 01 lần, đã hưởng BHTN.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Văn Q khởi kiện “*Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Lê Văn Q (do ông Lê Văn D là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH P trong khoảng thời gian làm từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 là vô hiệu*”.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH P có địa chỉ trụ sở tại khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P và ông Lê Văn Q. Tuy nhiên, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Văn D dùng thông tin cá nhân của ông Lê Văn Q để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011, được công ty tham gia BHXH thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 7408081313. Tuy nhiên, thực tế ông Lê Văn Q cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH A (V) từ tháng 04 năm 2011 đến tháng 01 năm 2020; tại Công ty TNHH J từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 5 năm 2023 và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7411120230.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin cung cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố T có cơ sở xác định: Việc ông Lê Văn D sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của ông Lê Văn Q để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động 2012 (khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019). Do đó, theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật lao động 2012 (điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, nguyên đơn ông Lê Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên Lê Văn Q (do ông Lê Văn D là người ký) và Công ty TNHH P thời gian từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 vô hiệu toàn bộ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Công ty TNHH P không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự 2015);

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Q về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH P.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Lê Văn Q và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 6 năm 2011 vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Văn Q theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn Q tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000817 ngày 25/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- CCTHADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh

